

BỘ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 05/2023/TT-BKHCN

Hà Nội, ngày 22 tháng 5 năm 2023

THÔNG TƯ

Quy định chi tiết một số nội dung về thu hút, sử dụng và trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ và Nghị định số 87/2014/NĐ-CP ngày 22 tháng 9 năm 2014 của Chính phủ quy định về thu hút cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ là người Việt Nam ở nước ngoài và chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam;

Căn cứ Nghị định số 95/2017/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức cán bộ và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư quy định chi tiết một số nội dung về thu hút, sử dụng và trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định chi tiết một số nội dung của Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định việc sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ (sau đây viết tắt là Nghị định số 40/2014/NĐ-CP), gồm:

1. Thành tích khoa học và công nghệ, cách tính điểm quy đổi để xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ; Hội đồng kiểm tra, sát hạch và xác định người được tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ;

2. Thành tích khoa học và công nghệ, cách tính điểm quy đổi để xét bổ nhiệm đặc cách vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác; Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác;

3. Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học; thành phần, nhiệm vụ, nguyên tắc làm việc của các Hội đồng trong quy trình lựa chọn, công nhận nhà khoa học đầu ngành; việc dùng áp dụng chính sách trọng dụng và hoàn trả kinh phí đối với nhà khoa học đầu ngành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ tại Việt Nam, cơ quan nhà nước và các tổ chức, cá nhân có liên quan.

Điều 3. Thành tích khoa học và công nghệ, cách tính điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ để xem xét áp dụng chính sách trọng dụng

1. Thành tích khoa học và công nghệ để xem xét áp dụng chính sách trọng dụng bao gồm:

a) Bài báo khoa học đã được công bố trên tạp chí khoa học quốc tế, trong nước có uy tín hoặc sách chuyên khảo hoặc giáo trình đã được xuất bản theo quy định của pháp luật.

Tạp chí khoa học quốc tế có uy tín được xác định là tạp chí quốc tế có uy tín theo quy định tại khoản 1 Điều 1a Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Bộ trưởng Bộ Nội vụ quy định mã số và tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành khoa học và công nghệ, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Thông tư số 01/2020/TT-BKHCN ngày 20 tháng 01 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ và Thông tư số 14/2022/TT-BKHCN ngày 11 tháng 10 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV).

Tạp chí ISI có uy tín, tạp chí khoa học trong nước có uy tín, bài báo khoa học, sách chuyên khảo và giáo trình thực hiện theo quy định tại khoản 2, 3, 4, 5 và khoản 6 Điều 1a Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV;

b) Giải thưởng về khoa học và công nghệ bao gồm: Giải thưởng uy tín trong nước, giải thưởng quốc tế về khoa học và công nghệ.

Giải thưởng uy tín trong nước về khoa học và công nghệ là các giải thưởng theo quy định tại Nghị định số 78/2014/NĐ-CP ngày 30 tháng 7 năm 2014 của Chính phủ về Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước và các giải thưởng khác về khoa học và công nghệ, được sửa đổi, bổ sung một số điều bởi Nghị định số 60/2019/NĐ-CP ngày 05 tháng 7 năm 2019 của Chính phủ và thực hiện theo Danh mục do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành, bao gồm: Giải thưởng Hồ Chí Minh và Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ; giải thưởng của Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan nhà nước

khác ở Trung ương, Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là giải thưởng của Bộ, ngành, địa phương về khoa học và công nghệ); Giải thưởng Sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam; Giải thưởng Kovalevskaia và các giải thưởng uy tín trong nước khác về khoa học và công nghệ.

Giải thưởng quốc tế về khoa học và công nghệ để xem xét, áp dụng chính sách trọng dụng thực hiện theo Danh mục do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành;

c) Sáng chế hoặc giải pháp hữu ích hoặc giống cây trồng đã được cấp văn bằng bảo hộ;

d) Nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu ở mức đạt trở lên.

Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được xác định theo quy định tại Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ (sau đây viết tắt là Nghị định số 08/2014/NĐ-CP);

đ) Dự án hoặc công trình hoặc đồ án thuộc chuyên ngành kỹ thuật là các dự án hoặc công trình hoặc đồ án phát triển, ứng dụng, triển khai công nghệ hoặc các nhiệm vụ khác thuộc phạm vi ngành kỹ thuật, kinh tế - kỹ thuật do cá nhân đảm nhiệm, được phân theo loại và cấp (nhóm) tại quy định của pháp luật chuyên ngành.

2. Điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 3a Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV.

Thành tích khoa học và công nghệ là giải thưởng của Bộ, ngành, địa phương về khoa học và công nghệ được tính 1,5 điểm quy đổi, trường hợp là Giải thưởng Tạ Quang Bửu, Giải thưởng Trần Đại Nghĩa được tính 2,5 điểm quy đổi; Giải thưởng Kovalevskaia được tính 2,5 điểm quy đổi; Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ được tính 3,5 điểm quy đổi; Giải thưởng Hồ Chí Minh được tính 04 điểm quy đổi. Điểm quy đổi của Giải thưởng Sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, các giải thưởng uy tín trong nước khác về khoa học và công nghệ và các giải thưởng quốc tế về khoa học và công nghệ được xác định theo Danh mục do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành quy định tại điểm b khoản 1 Điều này.

Chương II

QUY ĐỊNH VỀ THÀNH TÍCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, HỘI ĐỒNG KIỂM TRA, SÁT HẠCH VÀ XÁC ĐỊNH NGƯỜI ĐƯỢC TIẾP NHẬN VÀO VIÊN CHỨC, BỔ NHIỆM VÀO CHỨC DANH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHỨC DANH CÔNG NGHỆ

Điều 4. Thành tích khoa học và công nghệ để xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học

1. Xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh trợ lý nghiên cứu (hạng IV) hoặc chức danh nghiên cứu viên (hạng III) nếu cá nhân đáp ứng

tiêu chuẩn chức danh tương ứng quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV (trừ tiêu chuẩn về thời gian giữ hạng chức danh và tiêu chuẩn chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp) và trong ba năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ xét tuyển, cá nhân đạt ít nhất 0,5 điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ.

2. Xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) nếu cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV (trừ tiêu chuẩn về thời gian giữ hạng chức danh và tiêu chuẩn chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp) và tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ xét tuyển, cá nhân đạt thành tích như sau:

Đạt ít nhất 09 điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ, trong đó có ít nhất 03 điểm được quy đổi từ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên hoặc xuất bản sách chuyên khảo hoặc công bố bài báo trên tạp chí quốc tế có uy tín; có ít nhất 01 điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ được thực hiện trong hai năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ xét tuyển.

3. Xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên cao cấp (hạng I) nếu cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn chức danh nghiên cứu viên cao cấp (hạng I) quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV (trừ tiêu chuẩn về thời gian giữ hạng chức danh và tiêu chuẩn chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp) và tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ xét tuyển, cá nhân đạt thành tích như sau:

Đạt ít nhất 15 điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ, trong đó có ít nhất 09 điểm được quy đổi từ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên hoặc xuất bản sách chuyên khảo hoặc công bố bài báo trên tạp chí quốc tế có uy tín; có ít nhất 02 điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ được thực hiện trong hai năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ xét tuyển.

Điều 5. Thành tích khoa học và công nghệ để xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh công nghệ

1. Xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh kỹ thuật viên (hạng IV) hoặc chức danh kỹ sư (hạng III) nếu cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn chức danh tương ứng quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV (trừ tiêu chuẩn về thời gian giữ hạng chức danh và tiêu chuẩn chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp) và trong ba năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ xét tuyển, cá nhân đạt ít nhất 0,5 điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ.

2. Xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh kỹ sư chính (hạng II) nếu cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn chức danh kỹ sư chính (hạng II) quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV (trừ tiêu chuẩn về thời gian giữ hạng chức danh và tiêu chuẩn chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn

chức danh nghề nghiệp) và tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ xét tuyển, cá nhân đạt thành tích như sau:

Đạt ít nhất 06 điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ, trong đó có ít nhất 03 điểm được quy đổi từ chủ trì, tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ từ cấp cơ sở trở lên hoặc dự án hoặc công trình hoặc đề án từ cấp III trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật hoặc là tác giả của sáng chế được cấp bằng độc quyền, giải pháp hữu ích được cấp bằng độc quyền và được ứng dụng trong thực tiễn, bài báo khoa học được công bố; có ít nhất 01 điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ được thực hiện trong hai năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ xét tuyển.

3. Xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh kỹ sư cao cấp (hạng I) nếu cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn chức danh kỹ sư cao cấp (hạng I) quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKHCN-BNV (trừ tiêu chuẩn về thời gian giữ hạng chức danh và tiêu chuẩn chứng chỉ bồi dưỡng theo tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp) và tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ xét tuyển, cá nhân đạt thành tích như sau:

Đạt ít nhất 12 điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ, trong đó có ít nhất 06 điểm quy đổi từ chủ trì, tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ trở lên hoặc chủ trì dự án hoặc công trình hoặc đề án từ cấp II trở lên thuộc chuyên ngành kỹ thuật hoặc là tác giả của sáng chế được cấp bằng độc quyền, giải pháp hữu ích được cấp bằng độc quyền và được ứng dụng trong thực tiễn, bài báo khoa học được công bố; có ít nhất 01 điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ được thực hiện trong hai năm cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ xét tuyển.

Điều 6. Hội đồng kiểm tra, sát hạch

1. Hội đồng kiểm tra, sát hạch gồm 05 hoặc 07 thành viên. Thành phần hội đồng kiểm tra, sát hạch thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 8 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng kiểm tra, sát hạch:

a) Kiểm tra tiêu chuẩn, thành tích khoa học và công nghệ và tính điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này của cá nhân đề nghị xét tiếp nhận vào viên chức tương ứng với vị trí việc làm cần tuyển dụng;

b) Phỏng vấn về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cá nhân đề nghị xét tiếp nhận vào viên chức gắn với vị trí việc làm cần tuyển dụng;

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức xét tiếp nhận vào viên chức và bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ.

3. Hội đồng kiểm tra, sát hạch làm việc khi có mặt từ 2/3 tổng số thành viên trở lên theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng.

4. Hội đồng kiểm tra, sát hạch tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 7. Cách tính điểm khi xét tiếp nhận vào viên chức

1. Điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ của cá nhân đề nghị xét tiếp nhận vào viên chức được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 3 Thông tư này.

2. Hội đồng phỏng vấn, đánh giá “Đạt” hoặc “Không đạt” về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ của cá nhân đề nghị xét tiếp nhận vào viên chức.

Điều 8. Xác định người trúng tuyển

1. Người trúng tuyển phải có đủ các điều kiện sau đây:

a) Đáp ứng tiêu chuẩn, thành tích khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này;

b) Có kết quả phỏng vấn “Đạt” về trình độ hiểu biết chung và năng lực chuyên môn, nghiệp vụ;

c) Có điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ cao hơn lấy theo thứ tự từ cao xuống thấp đến hết chỉ tiêu tuyển dụng của từng vị trí việc làm.

2. Trường hợp có từ 02 người trở lên có điểm quy đổi thành tích khoa học và công nghệ bằng nhau ở chỉ tiêu cuối cùng cần tuyển dụng thì thực hiện ưu tiên trong tuyển dụng viên chức theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 115/2020/NĐ-CP ngày 25 tháng 9 năm 2020 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức.

3. Trường hợp vẫn không xác định được người trúng tuyển theo thứ tự ưu tiên quy định tại khoản 2 Điều này thì người đứng đầu cơ quan có thẩm quyền xét tuyển dụng viên chức quyết định người trúng tuyển.

4. Không thực hiện bảo lưu kết quả xét tuyển cho các kỳ xét tuyển lần sau.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ THÀNH TÍCH KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ, HỘI ĐỒNG XÉT BỎ NHIỆM ĐẶC CÁCH VÀO CHỨC DANH NGHIÊN CỨU KHOA HỌC, CHỨC DANH CÔNG NGHỆ CAO HƠN KHÔNG QUA THI THĂNG HẠNG, KHÔNG PHỤ THUỘC VÀO NĂM CÔNG TÁC

Điều 9. Thành tích khoa học và công nghệ để xét bỏ nhiệm đặc cách vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác

1. Cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn của chức danh nghiên cứu viên (hạng III) hoặc chức danh kỹ sư (hạng III) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKH-CN-BNV được xét đặc cách bỏ nhiệm vào chức danh

nhà nghiên cứu viên (hạng III) hoặc chức danh kỹ sư (hạng III) không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác nếu đạt một trong các thành tích, kết quả hoạt động khoa học và công nghệ như sau:

a) Là tác giả hoặc tham gia nhóm tác giả của công trình nghiên cứu khoa học đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ, giải thưởng của Bộ, ngành, địa phương về khoa học và công nghệ, Giải thưởng Sáng tạo khoa học công nghệ Việt Nam, Giải thưởng Kovalevskaia, giải thưởng quốc tế, giải thưởng uy tín trong nước khác về khoa học và công nghệ theo Danh mục do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành;

b) Là thành viên tham gia thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng theo quy định tại Điều 25 và Điều 30 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, được nghiệm thu ở mức đạt trở lên hoặc chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh trở lên được ứng dụng mang lại hiệu quả cao về kinh tế - xã hội.

Đánh giá tính ứng dụng, hiệu quả của nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã hoàn thành làm căn cứ áp dụng chính sách quy định tại Thông tư này được thực hiện thông qua xem xét những thông tin về địa chỉ ứng dụng, tài liệu chứng minh hiệu quả từ việc ứng dụng.

2. Cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn của chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) hoặc chức danh kỹ sư chính (hạng II) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKH-CN-BNV được xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên chính (hạng II) hoặc chức danh kỹ sư chính (hạng II) không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác nếu đạt một trong các thành tích, kết quả hoạt động khoa học và công nghệ như sau:

a) Có thành tích khoa học và công nghệ theo quy định tại khoản 1 Điều này;

b) Được cấp bằng tiến sĩ, tiến sĩ khoa học.

3. Cá nhân đáp ứng tiêu chuẩn của chức danh nghiên cứu viên cao cấp (hạng I) hoặc chức danh kỹ sư cao cấp (hạng I) theo quy định tại Thông tư liên tịch số 24/2014/TTLT-BKH-CN-BNV được xét đặc cách bổ nhiệm vào chức danh nghiên cứu viên cao cấp (hạng I) hoặc chức danh kỹ sư cao cấp (hạng I) không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác nếu đạt một trong các thành tích, kết quả hoạt động khoa học và công nghệ như sau:

a) Được bổ nhiệm chức danh giáo sư, phó giáo sư (không yêu cầu về hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ đang giữ);

b) Có công trình đạt Giải thưởng Hồ Chí Minh, Giải thưởng Nhà nước về khoa học và công nghệ, Giải thưởng Tạ Quang Bửu, Giải thưởng Trần Đại Nghĩa, Giải thưởng Kovalevskaia hoặc giải thưởng quốc tế về khoa học và công nghệ theo Danh mục do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành;

c) Chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ đặc biệt hoặc nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia đặc biệt quan trọng theo quy định tại Điều 25 và Điều 30 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP, được nghiệm thu ở mức đạt trở lên;

d) Đối với xét bổ nhiệm đặc cách vào chức danh nghiên cứu viên cao cấp (hạng I): Đã chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (hoặc chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và 03 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh) được nghiệm thu ở mức đạt trở lên và tham gia ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh được nghiệm thu ở mức đạt trở lên; hoặc là tác giả chính hoặc chủ biên của ít nhất 01 sách chuyên khảo trình bày kết quả nghiên cứu chuyên sâu, giải quyết vấn đề khoa học liên quan đến nhiều ngành, lĩnh vực (hoặc 02 sách chuyên khảo trình bày kết quả nghiên cứu chuyên sâu, giải quyết vấn đề khoa học trong phạm vi ngành, lĩnh vực) và là tác giả chính của ít nhất 04 bài báo khoa học được công bố trên tạp chí quốc tế có uy tín, trong đó có 02 bài được đăng trên tạp chí ISI có uy tín.

Đối với xét bổ nhiệm đặc cách vào chức danh kỹ sư cao cấp (hạng I), cá nhân đã được cấp bằng tiến sĩ hoặc tiến sĩ khoa học và đạt thành tích, kết quả hoạt động khoa học và công nghệ như sau: Đã tham gia thực hiện ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia (hoặc tham gia thực hiện ít nhất 01 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia và chủ nhiệm ít nhất 01 nhiệm vụ cấp bộ hoặc cấp tỉnh) được nghiệm thu ở mức đạt trở lên và chủ nhiệm ít nhất 02 nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở được nghiệm thu ở mức đạt trở lên; hoặc là tác giả của ít nhất 02 sáng chế được cấp bằng độc quyền và 02 giải pháp hữu ích được cấp bằng độc quyền và được ứng dụng trong thực tiễn; hoặc là giám đốc quản lý, chủ trì, chủ nhiệm ít nhất 02 dự án hoặc công trình hoặc đề án cấp I thuộc chuyên ngành kỹ thuật và làm giám đốc quản lý, chủ trì, chủ nhiệm ít nhất 04 dự án hoặc công trình hoặc đề án cấp II thuộc chuyên ngành kỹ thuật được hoàn thành, đưa vào sử dụng và phát huy hiệu quả; hoặc làm chủ nhiệm hoặc chủ trì thiết kế của ít nhất 02 dự án hoặc công trình cấp I và làm chủ nhiệm, chủ trì thiết kế của ít nhất 02 dự án hoặc công trình cấp II được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 10. Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác

1. Thẩm quyền thành lập Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách:

a) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (sau đây viết tắt là Ủy ban nhân dân cấp tỉnh) quyết định hoặc phân cấp, ủy quyền cho Thủ trưởng cơ quan, đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ thuộc quyền quản lý quyết định thành lập Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách từ chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng IV lên hạng III;

b) Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thành lập Hội đồng xét bổ nhiệm đặc cách từ chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng III lên hạng II và Hội đồng

xét bỏ nhiệm đặc cách từ chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ hạng II lên hạng I.

2. Hội đồng xét bỏ nhiệm đặc cách gồm 05 hoặc 07 thành viên, trong đó:

a) Chủ tịch Hội đồng là người đứng đầu hoặc cấp phó của người đứng đầu cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bỏ nhiệm đặc cách;

b) Phó Chủ tịch Hội đồng là người phụ trách công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bỏ nhiệm đặc cách;

c) Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng là công chức, viên chức giúp việc về công tác tổ chức cán bộ của cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bỏ nhiệm đặc cách;

d) Các ủy viên khác là những người có chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ chuyên ngành của người được đề nghị xét bỏ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh cao hơn;

đ) Không bố trí những người sau đây làm thành viên Hội đồng xét bỏ nhiệm đặc cách: cha, mẹ, anh, chị, em ruột hoặc của bên vợ (chồng) của người được đề nghị xét bỏ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của người được đề nghị xét bỏ nhiệm đặc cách vào hạng chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng xét bỏ nhiệm đặc cách:

a) Kiểm tra điều kiện, tiêu chuẩn quy định tại Điều 9 Thông tư này;

b) Bỏ phiếu kín cho từng trường hợp, báo cáo kết quả xét và đề nghị với thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền bỏ nhiệm đặc cách quyết định bỏ nhiệm đặc cách vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác;

c) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức xét bỏ nhiệm đặc cách vào chức danh nghiên cứu khoa học, chức danh công nghệ cao hơn không qua thi thăng hạng, không phụ thuộc vào năm công tác.

4. Hội đồng xét bỏ nhiệm đặc cách làm việc khi có mặt từ 2/3 tổng số thành viên trở lên theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng.

5. Hội đồng xét bỏ nhiệm đặc cách tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Chương IV

TRỌNG DỤNG NHÀ KHOA HỌC ĐẦU NGÀNH

Điều 11. Lĩnh vực khoa học và công nghệ được xem xét lựa chọn nhà khoa học đầu ngành

1. Lĩnh vực khoa học và công nghệ được xem xét để lựa chọn nhà khoa học đầu ngành được xác định theo Lớp 2 Bảng phân loại lĩnh vực nghiên cứu khoa

học và công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 12/2008/QĐ-BKHHCN ngày 04 tháng 9 năm 2008 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ.

2. Việc xác định các ngành khoa học và công nghệ được xem xét, lựa chọn nhà khoa học đầu ngành bảo đảm phù hợp với chiến lược phát triển khoa học và công nghệ trong từng giai đoạn cụ thể.

Điều 12. Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học

1. Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học cần nêu rõ:

- a) Tên Đề án;
- b) Căn cứ đề xuất;
- c) Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở tầm quốc gia; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước;
- d) Tính mới:
 - Đề xuất hướng nghiên cứu mới;
 - Giải quyết được một vấn đề khoa học và công nghệ của đất nước;
 - Đề xuất giải pháp tiên phong triển khai các ý tưởng nghiên cứu khoa học mới hoặc kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ được chuyển giao và mang lại sản phẩm khoa học và công nghệ có giá trị cho xã hội.
- đ) Mục tiêu của Đề án;
- e) Yêu cầu các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt (phù hợp với từng mục tiêu triển khai Đề án);
- g) Nội dung chính thực hiện để đạt kết quả; dự kiến các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cần triển khai để thực hiện Đề án;
- h) Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án (bao gồm phương án huy động các nguồn lực để thực hiện Đề án);
- i) Dự kiến nhu cầu kinh phí gắn với Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án.

2. Các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học phải đáp ứng yêu cầu theo quy định của Bộ Khoa học và Công nghệ đối với từng loại nhiệm vụ. Việc xác định, phê duyệt tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, kinh phí và phương thức, thời gian thực hiện đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học thực hiện theo quy định hiện hành đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ được giao trực tiếp.

Điều 13. Hội đồng thẩm định cơ sở đánh giá hồ sơ tham gia xét chọn nhà khoa học đầu ngành

1. Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học đang công tác thành lập Hội đồng thẩm định cơ sở để xem xét, thẩm định hồ sơ đối với cá nhân thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam thành lập Hội đồng thẩm định cơ sở để xem xét, thẩm định hồ sơ đối với cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập.

2. Thành viên của Hội đồng thẩm định cơ sở

a) Hội đồng thẩm định cơ sở gồm 07 hoặc 09 thành viên;

b) Hội đồng thẩm định cơ sở tại các tổ chức khoa học và công nghệ do Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ là Chủ tịch Hội đồng, có các thành viên gồm: đại diện lãnh đạo của tổ chức khoa học và công nghệ, đại diện bộ phận quản lý về khoa học, chuyên môn của tổ chức khoa học và công nghệ và ít nhất có 50% thành viên Hội đồng là chuyên gia, nhà khoa học có kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành của nhà khoa học tham gia xét chọn là nhà khoa học đầu ngành;

Trường hợp cá nhân tham gia xét chọn nhà khoa học đầu ngành là Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ thì Hội đồng thẩm định cơ sở do Lãnh đạo Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học công tác quyết định thành lập. Chủ tịch Hội đồng thẩm định cơ sở trong trường hợp này là người đứng đầu đơn vị/bộ phận quản lý về khoa học và công nghệ của cơ quan chủ quản tổ chức khoa học và công nghệ, có 01 thành viên kiêm thư ký là đại diện cơ quan tham mưu về tổ chức cán bộ của cơ quan chủ quản tổ chức khoa học và công nghệ;

c) Hội đồng thẩm định cơ sở tại Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam do 01 Lãnh đạo Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam là Chủ tịch Hội đồng; các thành viên Hội đồng gồm đại diện lãnh đạo Hội khoa học chuyên ngành và các chuyên gia, nhà khoa học có kinh nghiệm trong lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành của nhà khoa học tham gia xét chọn là nhà khoa học đầu ngành; có 01 thành viên kiêm thư ký là người đứng đầu bộ phận tổ chức cán bộ của Liên hiệp các Hội Khoa học và Kỹ thuật Việt Nam.

3. Nhiệm vụ của Hội đồng thẩm định cơ sở:

a) Kiểm tra hồ sơ, thẩm định các điều kiện, tiêu chuẩn của ứng viên tham gia xét chọn nhà khoa học đầu ngành;

b) Đánh giá tính khoa học, tính khả thi và dự báo hiệu quả, kết quả của Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học;

c) Báo cáo kết quả thẩm định với Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ nơi ứng viên đang công tác để đề nghị cơ quan chủ quản tổ chức khoa học và công nghệ đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, lựa chọn đối với ứng viên được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng lựa chọn. Trường hợp cá nhân tham gia xét chọn nhà khoa học đầu ngành là Thủ trưởng tổ chức khoa học và công nghệ, Hội đồng thẩm định cơ sở báo cáo cơ quan chủ quản tổ chức khoa học và công nghệ để đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, lựa chọn.

Hội đồng thẩm định cơ sở do Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam thành lập báo cáo kết quả thẩm định với Chủ tịch Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam đề nghị Bộ Khoa học và Công nghệ xem xét, lựa chọn đối với ứng viên được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng lựa chọn.

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình thẩm định cơ sở.

4. Không bố trí những người sau đây làm thành viên Hội đồng thẩm định cơ sở: cha, mẹ, anh, chị, em ruột hoặc của bên vợ (chồng) của nhà khoa học tham gia xét chọn là nhà khoa học đầu ngành; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của nhà khoa học tham gia xét chọn là nhà khoa học đầu ngành hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật.

5. Hội đồng thẩm định cơ sở làm việc khi có mặt từ 2/3 tổng số thành viên trở lên theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng.

Hội đồng thẩm định cơ sở tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

6. Biểu mẫu phục vụ họp Hội đồng thẩm định cơ sở được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 14. Hội đồng xét chọn nhà khoa học đầu ngành

Bộ Khoa học và Công nghệ thành lập Hội đồng xét chọn nhà khoa học đầu ngành để đánh giá, đề xuất lựa chọn nhà khoa học đầu ngành theo hồ sơ cung cấp và theo Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học.

1. Thành viên của Hội đồng xét chọn nhà khoa học đầu ngành

Hội đồng xét chọn nhà khoa học đầu ngành gồm 11 thành viên, do 01 Thứ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ là Chủ tịch Hội đồng, Phó Chủ tịch Hội đồng là đại diện Lãnh đạo cơ quan chủ quản tổ chức khoa học và công nghệ nơi ứng viên công tác (nếu có); có ít nhất 50% thành viên Hội đồng là các chuyên gia, nhà khoa học thuộc lĩnh vực chuyên môn, chuyên ngành xét chọn nhà khoa học đầu ngành và các thành viên khác là đại diện lãnh đạo của tổ chức khoa học và công nghệ nơi ứng viên công tác, đại diện Vụ Kế hoạch - Tài chính, Vụ Tổ chức cán bộ của Bộ Khoa học và Công nghệ, đại diện Liên hiệp các Hội Khoa học Kỹ thuật Việt Nam. Hội đồng cử một trong các thành viên làm Thư ký Hội đồng.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng xét chọn nhà khoa học đầu ngành:

a) Kiểm tra kết quả đánh giá, thẩm định của Hội đồng thẩm định cấp cơ sở;
b) Đánh giá tính khoa học, tính khả thi và dự báo hiệu quả, kết quả của Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học;

c) Báo cáo kết quả thẩm định với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ để công nhận kết quả xét chọn và quyết định áp dụng chính sách trọng dụng đối với nhà khoa học đầu ngành đối với ứng viên được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng lựa chọn;

d) Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình tổ chức xét chọn nhà khoa học đầu ngành.

3. Không bố trí những người sau đây làm thành viên Hội đồng xét chọn nhà khoa học đầu ngành: cha, mẹ, anh, chị, em ruột hoặc của bên vợ (chồng) của nhà khoa học tham gia xét chọn là nhà khoa học đầu ngành; vợ hoặc chồng, con đẻ hoặc con nuôi của nhà khoa học tham gia xét chọn là nhà khoa học đầu ngành hoặc những người đang trong thời hạn xử lý kỷ luật hoặc đang thi hành quyết định kỷ luật.

4. Hội đồng xét chọn nhà khoa học đầu ngành làm việc khi có mặt từ 2/3 tổng số thành viên trở lên theo nguyên tắc tập thể, quyết định theo đa số; trường hợp biểu quyết ngang nhau thì thực hiện theo ý kiến biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng.

Hội đồng xét chọn nhà khoa học đầu ngành tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

5. Biểu mẫu phục vụ họp Hội đồng xét chọn nhà khoa học đầu ngành được quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 15. Dừng áp dụng chính sách trọng dụng và hoàn trả kinh phí đối với nhà khoa học không được tiếp tục công nhận nhà khoa học đầu ngành

1. Trên cơ sở đề xuất của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học đầu ngành công tác hoặc Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam (đối với nhà khoa học đầu ngành không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập) về việc dừng áp dụng chính sách trọng dụng đối với nhà khoa học đầu ngành, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn để xem xét, quyết định.

2. Hội đồng tư vấn:

a) Thành viên và nguyên tắc làm việc của Hội đồng tư vấn theo quy định tại khoản 1, 3 và khoản 4 Điều 14 Thông tư này;

b) Nhiệm vụ của Hội đồng tư vấn:

- Xem xét việc dừng áp dụng chính sách trọng dụng đối với nhà khoa học đầu ngành theo quy định tại khoản 2 Điều 20 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP;

- Báo cáo kết quả với Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ để quyết định dừng áp dụng chính sách trọng dụng nhà khoa học đầu ngành đối với cá nhân được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng có ý kiến dừng áp dụng chính sách trọng dụng;

- Giải quyết khiếu nại, tố cáo trong quá trình xem xét việc dừng áp dụng chính sách trọng dụng đối với nhà khoa học đầu ngành.

3. Trên cơ sở ý kiến kết luận của Hội đồng tư vấn, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quyết định dừng áp dụng chính sách trọng dụng nhà khoa học đầu

ngành; thông báo kết quả đến Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh là cơ quan chủ quản của tổ chức khoa học và công nghệ nơi nhà khoa học đầu ngành công tác hoặc Liên hiệp các Hội Khoa học kỹ thuật Việt Nam (đối với nhà khoa học đầu ngành không thuộc tổ chức khoa học và công nghệ công lập).

4. Đối với nhà khoa học không được tiếp tục công nhận là nhà khoa học đầu ngành, việc dừng áp dụng chính sách trọng dụng và hoàn trả kinh phí được thực hiện như sau:

a) Kể từ ngày quyết định dừng áp dụng chính sách trọng dụng nhà khoa học đầu ngành có hiệu lực, nhà khoa học không được hưởng các chính sách ưu đãi quy định tại Điều 18 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP;

b) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày quyết định dừng áp dụng chính sách trọng dụng nhà khoa học đầu ngành có hiệu lực, nhà khoa học phải hoàn trả ngân sách nhà nước kinh phí ưu đãi nhà khoa học đã được cấp theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP nhưng chưa sử dụng.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

1. Hằng năm, đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ xem xét, đánh giá kết quả hoạt động khoa học và công nghệ của cá nhân để áp dụng hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền áp dụng chính sách ưu đãi sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ.

2. Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh căn cứ quy định tại Thông tư này hướng dẫn, chỉ đạo các đơn vị sự nghiệp công lập có hoạt động khoa học và công nghệ thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ. Hằng năm, báo cáo kết quả thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ theo Thông tư số 13/2021/TT-BKHHCN ngày 30 tháng 12 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chế độ báo cáo định kỳ thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ.

Điều 17. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 07 tháng 7 năm 2023.

2. Bãi bỏ một phần Thông tư liên tịch số 21/2015/TTLT-BKHHCN-BNV-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ, Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chính sách sử dụng, trọng dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ, cụ thể:

a) Điều 4 về Thành tích khoa học và công nghệ để xem xét áp dụng chính sách sử dụng, trọng dụng;

b) Điều 5, Điều 6, Điều 7, Điều 8, Điều 9, Điều 10, Điều 12, Điều 13, Điều 14 và Điều 15 của Chương II về chính sách ưu đãi trong sử dụng cá nhân hoạt động khoa học và công nghệ;

c) Điều 17, Điều 18, Điều 19, Điều 20, Điều 21, Điều 22 và Điều 24 của Chương III về trọng dụng nhà khoa học đầu ngành.

3. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng các văn bản quy phạm pháp luật mới thì áp dụng theo các văn bản mới.

4. Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Khoa học và Công nghệ để tổng hợp và xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của TW Đảng;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan TW của các Đoàn thể;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo; Website Chính phủ; Website Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Lưu: VT, TCCB.



Trần Văn Hùng



**PHỤ LỤC
CÁC BIỂU MẪU**

*(Kèm theo Thông tư số 05/2023/TT-BKHCN ngày 22 tháng 5 năm 2023
của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ)*

1. BM1-PNX: Phiếu nhận xét, đánh giá Hồ sơ xét công nhận Nhà khoa học đầu ngành.
2. BM2-THPNX: Tổng hợp Phiếu nhận xét, đánh giá Hồ sơ xét công nhận Nhà khoa học đầu ngành.
3. BM3-THKN: Phiếu tổng hợp kiến nghị của Hội đồng tham gia lựa chọn, công nhận Nhà khoa học đầu ngành.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ XÉT CÔNG NHẬN
NHÀ KHOA HỌC ĐẦU NGÀNH
(Hội đồng thẩm định cơ sở/Hội đồng xét chọn nhà khoa học đầu ngành)

Họ và tên người đánh giá:

I. Thông tin về hồ sơ xét công nhận Nhà khoa học đầu ngành

- 1. Họ và tên người được đề nghị:
- 2. Học hàm/học vị:
- 3. Cơ quan công tác:
- 4. Tên Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học:

II. Nội dung đánh giá:

1. Hồ sơ đáp ứng đầy đủ thành phần:

(Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 16 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 8 Điều 1 Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ).

Nhận xét:

*Đánh giá**: Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

2. Đánh giá việc đáp ứng Tiêu chuẩn của nhà khoa học đầu ngành

a) Phù hợp với các ngành khoa học và công nghệ do Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định

Nhận xét:

*Đánh giá**: Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

b) Đáp ứng Tiêu chuẩn chung của nhà khoa học đầu ngành

(Theo quy định tại điểm khoản 2 Điều 15 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ).

Nhận xét:

*Đánh giá**: Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

c) Đáp ứng về thành tích, kết quả hoạt động khoa học và công nghệ và năng lực hội nhập quốc tế

(Theo quy định tại điểm khoản 3 Điều 15 Nghị định số 40/2014/NĐ-CP ngày 12 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 27/2020/NĐ-CP ngày 01 tháng 3 năm 2020 của Chính phủ).

Nhận xét:

*Đánh giá**: Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

3. Đánh giá chất lượng của Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học:

Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học phải hướng đến phát triển được một hướng nghiên cứu mới hoặc giải quyết được một vấn đề khoa học và công nghệ cấp thiết của đất nước, tiên phong triển khai các ý tưởng nghiên cứu khoa học mới hoặc kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ được chuyển giao, mang lại nhiều sản phẩm khoa học và công nghệ có giá trị cho xã hội.

(Đánh giá theo các nội dung sau:

- *Tính cấp thiết; tầm quan trọng phải thực hiện ở tầm quốc gia; tác động và ảnh hưởng đến đời sống kinh tế - xã hội của đất nước.*

- *Tính mới:*

+ *Đề xuất hướng nghiên cứu mới;*

+ *Giải quyết được một vấn đề khoa học và công nghệ của đất nước;*

+ *Đề xuất giải pháp tiên phong triển khai các ý tưởng nghiên cứu khoa học mới hoặc kết quả nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ được chuyển giao và mang lại sản phẩm khoa học và công nghệ có giá trị cho xã hội.*

- *Mục tiêu của Đề án;*

- *Yêu cầu các kết quả chính và các chỉ tiêu cần đạt (phù hợp với từng mục tiêu triển khai Đề án);*

- *Nội dung chính thực hiện để đạt kết quả;*

- *Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án (phương án huy động các nguồn lực để thực hiện Đề án);*

- *Kinh phí gắn với Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án).*

Nhận xét:

*Đánh giá**: Đạt yêu cầu Không đạt yêu cầu

III. Ý kiến đánh giá tổng hợp

1. Về Hồ sơ xét chọn nhà khoa học đầu ngành*

(Lưu ý: Ý kiến đề nghị phê duyệt đối với Hồ sơ xét chọn nhà khoa học đầu ngành khi tất cả các tiêu chí tại phiếu được đánh giá là “Đạt yêu cầu”)

- Đề nghị không công nhận nhà khoa học đầu ngành
- Đề nghị công nhận nhà khoa học đầu ngành
- Đề nghị công nhận nhà khoa học đầu ngành với các điều chỉnh dưới đây:

1.1. Về Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học:

(Điều chỉnh về: Sự cần thiết, tính mới, mục tiêu, nội dung, kết quả nghiên cứu, phương án áp dụng, triển khai kết quả ...?)

.....
.....

1.2. Về Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án:

.....
.....

1.3. Nội dung điều chỉnh khác:

.....
.....

2. Về kinh phí thực hiện Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học

(Hội đồng có ý kiến về kinh phí thực hiện Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học được xác định như đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia)

.....
.....
.....

..., ngày ... tháng ... năm ...
(Người nhận xét, đánh giá ký, ghi rõ họ tên)

(*) Đánh dấu X vào một trong các ô

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
**HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CƠ SỞ/HỘI ĐỒNG XÉT CHỌN
NHÀ KHOA HỌC ĐẦU NGÀNH**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

TỔNG HỢP PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ HỒ SƠ XÉT CÔNG NHẬN NHÀ KHOA HỌC ĐẦU NGÀNH
(Hội đồng thẩm định cơ sở/Hội đồng xét chọn nhà khoa học đầu ngành)

1. Họ và tên người được đề nghị:
2. Tên Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học:

Tổng hợp kết quả theo Phiếu nhận xét, đánh giá của thành viên Hội đồng

Nội dung 1**		Nội dung 2**		Nội dung 3**		Kết luận chung**		Ghi chú
Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đạt	Không đạt	Đề nghị công nhận nhà khoa học đầu ngành	Đề nghị không công nhận nhà khoa học đầu ngành	

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG

(**) Tổng hợp số lượng phiếu theo nội dung tương ứng

CƠ QUAN/ĐƠN VỊ
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH CƠ
SỞ/HỘI ĐỒNG XÉT CHỌN NHÀ
KHOA HỌC ĐẦU NGÀNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

..., ngày ... tháng ... năm...

**PHIẾU TỔNG HỢP KIẾN NGHỊ CỦA HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH
CƠ SỞ/HỘI ĐỒNG XÉT CHỌN NHÀ KHOA HỌC ĐẦU NGÀNH**

Thông tin về Hồ sơ xét chọn nhà khoa học đầu ngành:

1. Họ và tên người đề nghị:
2. Học hàm/học vị:
3. Cơ quan công tác:
4. Tên Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học:

Trên cơ sở kết quả đánh giá theo nội dung của Phiếu đánh giá của thành viên Hội đồng, Hội đồng kiến nghị***:

- Đề nghị không công nhận nhà khoa học đầu ngành
- Đề nghị công nhận nhà khoa học đầu ngành
- Đề nghị công nhận nhà khoa học đầu ngành với các điều chỉnh dưới đây:

4.1. Về Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học:

(Điều chỉnh về: Sự cần thiết, tính mới, mục tiêu, nội dung, kết quả nghiên cứu, phương án áp dụng, triển khai kết quả ...?)

.....
.....

4.2. Về Kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án:

.....
.....

4.3. Nội dung điều chỉnh khác:

.....
.....

(***) Đánh dấu X vào một trong các ô

4.4. Về kinh phí thực hiện Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học:

(Hội đồng có ý kiến về kinh phí thực hiện Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học được xác định như đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;

Kết luận của Hội đồng về kinh phí thực hiện Đề án định hướng phát triển chuyên ngành khoa học là cơ sở để phê duyệt mức kinh phí thực hiện.)

..., ngày... tháng... năm ...

THƯ KÝ HỘI ĐỒNG

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG